

Bản án số: **189/2020/HS-ST**

Ngày 24/07/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Ông Đỗ Quang Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 169/2020/HS-ST ngày 18 tháng 06 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/QĐXX-ST ngày 10 tháng 07 năm 2020 với bị cáo:

Đặng Thị T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1991 tại tỉnh Tuyên Quang; ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 5, K, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Con ông: Đặng Xuân K; Con bà: Hoàng Thị N; Bị cáo có chồng là Bàn Văn H1 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Đức T1, sinh năm 1986

HKTT: xã Tân Trường, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Cao Quỳnh H, sinh năm 2001

HKTT: xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 24/8/2019 Đặng Thị T nhận được tin nhắn từ tài khoản zalo “đại gia chân đất” của Phạm Đức T1 (có lý lịch nêu trên) đến tài khoản zalo “Tuyệt trong em” của T. T1 hỏi “em gái ngoan hiền có đi làm không?”. T hiểu là T1 hỏi có gái bán dâm nào không thì giới thiệu cho T1 mua dâm. T liền gửi ảnh của gái bán dâm là Cao Quỳnh H (có lý lịch nêu trên) cho T1. Khi T1 hỏi “bạn này bao nhiêu tiền?” thì T nói 400.000 đồng. T hỏi T1, T sẽ được bao nhiêu tiền công môi giới nhưng T1 không nói rõ. Đồng thời, T dùng tài khoản zalo “Tuyệt trong em” của mình để nhắn tin đến tài khoản zalo “Tey” của Cao Quỳnh H trao đổi việc mua bán dâm với giá 500.000 đồng/1 lần quan hệ, H đồng ý. Sau đó, T nói với T1 đến nhà nghỉ Thanh Thanh, địa chỉ số 5 ngõ 60 phố Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để lấy phòng. Sau khi nhận phòng, T1 nhắn tin cho T phòng 601 rồi T báo cho H đến để bán dâm. Khi vào phòng, T1 đưa cho H 500.000 đồng tiền mua dâm. H và T1 đang quan hệ tình dục tại phòng 601 nhà nghỉ Thanh Thanh thì bị lực lượng công an kiểm tra, bắt giữ. Cùng thời điểm kiểm tra phòng 503 thì phát hiện T cùng anh Lê Xuân H1 (sinh năm 1994; HKTT: phường T, quận B, thành phố Hà Nội) đang ở trong phòng. Lực lượng công an đã lập biên bản và đưa các đối tượng về trụ sở làm rõ.

Cơ quan công an đã thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 số sim 0988459338; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7, số sim 0989940473. Thu giữ của H 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng, số sim 0337280949; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Thu giữ của T1 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu đen, số sim 0782494063; 01 bao cao su đã qua sử dụng. Thu giữ của anh Lê Xuân H1 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, số sim 0568016040.

Tại cơ quan điều tra anh Phạm Đức T1 và chị Cao Quỳnh H khai như nội dung nêu trên.

Anh Lê Xuân H1 khai: Do anh và Đặng Thị T có quan hệ tình cảm nên ngày 24/8/2019 T liên lạc rủ H1 đi chơi. H1 hẹn gặp T tại nhà nghỉ Thanh Thanh, địa chỉ số 5 ngõ 60 phố Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Đến nơi, H1 và T thuê phòng 503 tại nhà nghỉ rồi lên phòng. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Cơ quan công an kiểm tra hành chính phát hiện H1 và T đang ở trong phòng 503 nhà nghỉ Thanh Thanh, không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên đã lập biên bản, đưa Hưng và Thu về trụ sở làm việc.

Đặng Thị T khai nhận đã có hành vi dẫn dắt cho H bán dâm cho T1 như nội dung nêu trên. T khai là lần đầu tiên giới thiệu khách mua dâm.

Quá trình điều tra xác định Đặng Thị T có tiền sử về tâm thần (bệnh động kinh). Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra đã Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Ngày 26/12/2019 Viện pháp y tâm thần trung ương – Bộ y tế đã kết luận:

Trước, sau khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Đặng Thị T bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn chưa có biến đổi nhân cách. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.6. Tại các thời điểm trên Đặng Thị T có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Ngày 13/3/2020 Viện pháp y tâm thần Trung ương bổ sung kết luận: Tại thời điểm bị can Đặng Thị T thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/8/2019 bị can bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn chưa có biến đổi nhân cách. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số G40.6. Tại thời điểm trên bị can Đặng Thị T đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Như vậy, Đặng Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi mua dâm của Phạm Đức T1, Công an quận Cầu Giấy đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 điều 22 Nghị định số 167/NĐ-CP ngày của Chính phủ.

Đối với hành vi bán dâm của Cao Quỳnh H, Công an quận Cầu Giấy đã ra quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 điều 23 Nghị định số 167/NĐ-CP ngày của Chính phủ.

Đối với chủ nhà nghỉ Thanh Thanh là bà Trịnh Thị Kim T2, không biết có việc mua bán dâm tại nhà nghỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại di động Iphone 8 số sim 0988459338 được T sử dụng để liên lạc với T1 và H, thực hiện hành vi kết nối để T1 và H mua bán dâm. Chiếc điện thoại di động Iphone 7, số sim 0989940473 được T sử dụng liên lạc cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

Chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng, số sim 0337280949 thu giữ của Cao Quỳnh H được H dùng để liên lạc với T, liên quan đến hành vi mua bán dâm; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng là tiền T1 trả cho H khi mua dâm.

Chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu đen, số sim 0782494063 thu giữ của Phạm Đức T1 được T1 dùng để liên lạc với T, liên quan đến hành vi mua bán dâm.

Chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng, số sim 0568016040 thu giữ của anh Lê Xuân H1 không liên quan đến vụ án nên cơ quan công an đã trả lại cho anh H1. Anh H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số **179/CT-VKSCG** ngày 12/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố Đặng Thị T về tội “*Môi giới mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 328; điều 65; điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đặng Thị T từ 09 - 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 – 24 tháng.

Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 số sim 0988459338 của bị cáo Đặng Thị T.

Trả lại chiếc điện thoại di động Iphone 7, số sim 0989940473 cho bị cáo Đặng Thị T.

Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng, số sim 0337280949 của Cao Quỳnh H.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng thu giữ của Cao Quỳnh H.

Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu đen, số sim 0782494063 thu giữ của Phạm Đức T1.

Tịch thu, tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Thị T khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và đánh giá nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, không được ăn học đầy đủ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế để cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 24/8/2020, tại nhà nghỉ Thanh Thanh, địa chỉ số 05 ngõ 60 đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Đặng Thị T đã có hành vi làm trung gian, môi giới để Cao Quỳnh H thực hiện hành vi bán dâm cho Phạm Đức T1 với giá 500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Môi giới mại dâm. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, tiếp tay cho tệ nạn xã hội, làm tăng nguy cơ lây lan dịch bệnh thế kỷ

HIV/AIDS, gián tiếp ảnh hưởng đến hạnh phúc các gia đình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, cần thiết phải xử lý trách nhiệm hình sự để nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo là người dân tộc, sinh sống ở vùng kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo có tiền sử bệnh động kinh tuy bị cáo vẫn thuộc trường hợp đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng cũng phần nào đánh giá bị cáo có nhận thức pháp luật còn hạn chế nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số, điều kiện giáo dục và nhận thức pháp luật có hạn chế, hành vi phạm tội có tính chất môi giới giản đơn. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng:*

- Chiếc điện thoại di động Iphone 8 số sim 0988459338 có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước.

- Chiếc điện thoại di động Iphone 7, số sim 0989940473 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Chiếc điện thoại di động Iphone 7Plus màu hồng, số sim 0337280949 thu giữ của chị Cao Quỳnh H liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước.

- 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của Cao Quỳnh H là vật liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Chiếc điện thoại di động Iphone 5S màu đen, số sim 0782494063 thu giữ của Phạm Đức T1 liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước

- 01 bao cao su đã qua sử dụng là vật liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T phạm tội Môi giới mại dâm

Căn cứ khoản 1 điều 328; điều 65; điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt : Đặng Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đặng Thị T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hình phạt bổ sung: Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

- Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 8, màu hồng, có sim số 0988459338 của bị cáo. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 7, có sim số 0989940473. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng

- Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 7Plus màu hồng, có sim số 0337280949 thu giữ của Cao Quỳnh H. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

-Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 5S ốp màu đen, có sim số 0782494063 thu giữ của Phạm Đức T1. Điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng.

Hiện các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy theo Biên bản giao nhận vật chứng số 193 GN/THA-CA ngày 16/6/2020.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng thu giữ của Cao Quỳnh H. Theo Giấy nộp tiền tài khoản lập ngày 15/6/2020 vào tài khoản số 3949.1049179 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy tại Kho bạc Nhà nước Cầu Giấy.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Mục I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 3/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Công an Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội;
- Chi cục THA Dân sự Q. Cầu Giấy, TP HN
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Tú